TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82/2020/QĐST-HNGĐ	*Bá Thước, ngày 29 tháng 05 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số : 96/2020/TLST/ HNGĐ ngày 19 tháng 05 năm 2020 giữa :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T ; Sinh năm: 1994

Nơi cư trú: Thôn Q T , xã L T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Văn T ; Sinh năm: 1994

Nơi cư trú: Thôn T , xã Đ L , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81,82,83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 05 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 05 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T tự nguyện thỏa thuận: Khi ly hôn anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Tuấn A sinh ngày 01/12/2017 cho đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T khai không có nợ chung.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T tự nguyện thỏa thuận: Chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị Thúy đã nộp 300.000đ, hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu số: AA/2019/0007353 ngày 19/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND;
- Chi cục THA;
- Cơ quan thực hiên đăng ký kết hôn;
….
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên